

**XÃ HỘI HỌC THỰC NGHIỆM**

---

**Định hướng tiến bộ của  
sự chuyển đổi cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp  
ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ ngày nay**

**TÔ DUY HỢP**

Cả nước ta đang tiếp tục qua trình đổi mới theo định hướng tiến bộ, phù hợp với tất yếu lịch sử - tự nhiên của sự phát triển kinh tế xã hội.

Hiện thời, đối với cả nước ta, sự chuyển đổi từ nền kinh tế vốn là tiểu nông, tự cấp tự túc sang kinh tế hàng hóa; từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước là sự biến đổi tiến bộ xã hội; vì chúng đều phù hợp với tất yếu lịch sử - tự nhiên toàn nhân loại cũng như toàn quốc gia dân tộc Việt Nam.

Do vậy, tất cả những biến đổi nào của cơ cấu xã hội và chính sách xã hội thuận chiều với tiến bộ kinh tế - chính trị nói trên đều là những biến đổi tiến bộ xã hội.

Dưới đây ta sẽ xem xét cụ thể hơn những biến đổi tiến bộ của cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ qua việc tổng hợp các số liệu thống kê và điều tra xã hội học nông thôn những năm gần đây.

Cho đến nay, những biến đổi đa dạng và phong phú của cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ chung qui lại đều có đặc trưng cơ bản là thể hiện quá trình *phân công lại lao động xã hội nghề nghiệp* sao cho thích hợp với nhu cầu đẩy mạnh sản xuất kinh doanh hàng hóa, trước hết nhằm bảo đảm mức sống đủ ăn, đủ mặc; song tiếp đến đương nhiên là để trở nên giàu sang, phú quý.

Nét mới của sự phân công lại lao động xã hội nghề nghiệp ở nông thôn hiện nay là đội sản xuất không còn tư cách đơn vị phân công lao động xã hội như trong thời kỳ tập thể hóa nông nghiệp trước đây, thay vào đó là hộ gia đình nông thôn đã trở thành đơn vị tự chủ sản xuất kinh doanh hàng hóa, tự chủ cả việc phân công lao động trong quy mô hộ gia đình; không còn kiểu chuyên môn hóa lao động theo các đội chuyên như trước, thay vào đó là sự tự do lựa chọn việc làm, ngành nghề của các cá nhân người lao động và của các hộ gia đình trong làng xã.

Xu thế phổ biến của sự phân công lại lao động xã hội nghề nghiệp ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ hiện nay là xu thế chuyển đổi các hợp tác xã nông nghiệp sang sản xuất kinh doanh tổng hợp nông - công - thương - tín. Trong xu thế chung này của làng xã, các hộ gia đình có thể lựa chọn một trong hai định hướng: hoặc là chuyên môn hóa theo các ngành nghề phi nông nghiệp hoặc là tiến hành sản xuất kinh doanh tổng hợp, kết hợp nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi) với việc làm hay ngành nghề phi nông nghiệp (tiểu thủ công nghiệp, buôn bán, dịch vụ v.v...)

Sau mấy năm đổi mới, nhất là từ sau khi có nghị quyết 10 của bộ chính trị (4-1988) đến nay ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ đã hình thành rõ nét *ba loại làng xã* khác nhau, trong mỗi làng xã cũng hình thành dần dần *ba loại hộ gia đình* khác nhau về mức độ chuyển sang ngành nghề phi nông nghiệp hoặc sản xuất kinh doanh tổng hợp.

1- Loại làng xã giảm mạnh hoạt động thuần nông nghiệp, tăng cường lao động phi nông nghiệp, đặc biệt là tăng mạnh lao động kết hợp nghề chính với một hoặc nhiều việc làm thêm theo nhiều cách kết hợp khác nhau: tiểu thủ công nghiệp với buôn bán dịch vụ; nông nghiệp với buôn bán dịch vụ v.v... Tỷ trọng nhóm hộ thuần nông nghiệp giảm mạnh; nhóm hộ phi nông nghiệp tăng nhanh. Song xu hướng áp đảo là tăng nhanh nhóm hộ kết hợp nông nghiệp với các ngành nghề phi nông nghiệp. Đây là loại làng xã mà trong truyền thống lâu đời,

nông nghiệp chỉ là nghề phụ, hoạt động chủ yếu là các ngành nghề phi nông nghiệp. Thí dụ, ở xã *Nam Giang* (huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Hà) năm 1989, nhóm hộ sản xuất kinh doanh tổng hợp chiếm 59% tổng số hộ trong xã, trong khi đó nhóm hộ phi nông nghiệp chiếm có 16%, nhóm hộ thuần nông nghiệp chỉ còn 25%. Ở xã *Ninh Hợp* (huyện Gia Lâm, Hà Nội) năm 1991, nhóm hộ sản xuất kinh doanh tổng hợp lên tới 77,6%, nhóm hộ phi nông nghiệp chiếm 14,28%, và nhóm hộ thuần nông nghiệp giảm xuống chỉ còn 8,09%.

Trong nhóm làng xã vượt trội, giàu có nhất đồng bằng Bắc Bộ có một số làng xã đã xóa bỏ hoàn toàn nhóm hộ thuần nông nghiệp, chỉ còn lại hai nhóm hộ: (1) phi nông nghiệp và (2) kết hợp phi nông nghiệp với nông nghiệp. Thí dụ xã *Bát Tràng* (huyện Gia Lâm, Hà Nội) năm 1991 có nhóm hộ phi nông nghiệp chiếm 92%, còn lại là nhóm hộ kết hợp nông nghiệp với ngành nghề phi nông nghiệp, chỉ chiếm 8% tổng số hộ trong xã.

2- Loại làng xã vốn lấy nông nghiệp là chính, song đang định hướng mạnh sang sản xuất kinh doanh tổng hợp. Thí dụ xã *Hải Vân* (huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Hà) năm 1990 nhóm hộ thuần nông nghiệp tuy vẫn còn chiếm tỷ trọng tương đối lớn: 38%; song nhóm hộ phi nông nghiệp đã có tỷ trọng đáng kể: 13,3% và đặc biệt, nhóm hộ sản xuất kinh doanh kết hợp nông nghiệp với các ngành nghề phi nông nghiệp đã chiếm tỷ trọng hơn hẳn hai nhóm hộ kia: 48,6%. Đây chính là là dấu hiệu chứng tỏ loại làng xã này đang chuyển biến chủ yếu theo định hướng sản xuất kinh doanh tổng hợp, có thể trở thành đa năng trong định hướng kinh doanh và đa phương trong quan hệ thị trường giống như các làng xã vượt trội.

3- Loại làng xã vốn lấy nông nghiệp là chính, nay tuy có đổi mới song tỷ trọng nhóm hộ thuần nông vẫn còn rất lớn, trong khi đó các nhóm hộ phi nông nghiệp và kinh doanh tổng hợp hầu hết còn nhỏ bé, năng lực yếu kém. Thí dụ xã *Đa Tốn* (huyện Gia Lâm, Hà Nội) năm 1991, nhóm hộ thuần nông nghiệp vẫn còn chiếm tuyệt đại bộ phận: 75,53%, số còn lại, 21,17% thuộc nhóm hộ phi nông nghiệp và chỉ có 3,29% tiến hành sản xuất kinh doanh tổng hợp.

Trước mắt, do tỷ trọng nhóm hộ phi nông nghiệp gấp nhiều lần so với tỷ trọng nhóm hộ sản xuất kinh doanh tổng hợp, cho nên ta có thể nghĩ rằng định hướng chủ yếu của xã *Đa Tốn* là chuyển sang các ngành nghề phi nông nghiệp. Song rất có thể do xu thế áp đảo hiện nay ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ là chuyển sang sản xuất kinh doanh tổng hợp, cho nên sắp tới đây nhóm hộ sản xuất kinh doanh tổng hợp sẽ chiếm tỷ trọng bằng hoặc lớn hơn tỷ trọng nhóm hộ phi nông nghiệp.

Cuộc điều tra xã hội học trong tháng 9 và 10/1991 ở xã *Đa Tốn* qua mẫu đại diện là 160 hộ gia đình cho thấy dự tính tìm thêm việc làm và mở mang ngành nghề mới như sau:

- *Dự tính có việc làm thêm*: (1) chăn nuôi: 10,62%; (2) buôn bán kết hợp với tiểu thủ công nghiệp: 9,37%; (3) tiểu thủ công nghiệp: 30,62%; (4) buôn bán kết hợp với dịch vụ: 11,25%; buôn bán: 3,12%.

Như vậy có đến 54,36% số người được hỏi có dự tính tăng thêm việc làm phi nông nghiệp, chỉ có 10,62% dự tính tăng thêm việc làm nông nghiệp, hầu như không có dự tính tăng thêm việc làm kinh doanh tổng hợp.

- *Dự tính có ngành nghề mới*: (1) tiểu thủ công nghiệp: 1,87%; (2) buôn bán kết hợp với dịch vụ: 2,87%. Cộng gộp lại ta thấy chỉ có 3,47% số người được hỏi có dự tính mở mang thêm ngành nghề phi nông nghiệp. Ngoài ra không ai có dự tính nào khác.

Xu hướng chú trọng mở mang ngành nghề phi nông nghiệp thống nhất với nhận định của những người được hỏi ý kiến về vấn đề "làm gì có thể giàu lên nhanh nhất?" Kết quả như sau: (1) nông nghiệp theo công thức VAC: 3,12%; (2) chăn nuôi kết hợp với trồng dâu, nuôi tằm: 5,62%; (3) tiểu thủ công nghiệp: 5%; (4) buôn bán: 16,87%; (5) bao thầu: 3,12%; (6) buôn bán kết hợp với bao thầu: 3,75%; (8) kết hợp nhiều nghề: 9,37%.

Cộng gộp lại, có đến 49,36% số người được hỏi cho rằng muốn làm giàu nhanh nhất thì phải chuyên làm các nghề phi nông nghiệp, kỳ vọng hơn cả là kết hợp buôn bán với bao thầu (20,62%), hoặc chỉ cần buôn bán giỏi đã đủ làm giàu nhanh chóng (16,87%).

Một số lượng lớn (32,5%) những người được hỏi ý kiến đã cho biết là khó trả lời câu hỏi nghề gì có thể giàu lên nhanh nhất. Chứng tỏ các phương án: ngành nghề phi nông nghiệp hoặc sản xuất kinh doanh tổng hợp đều có khả năng như nhau.

Tình hình này có thể được thấy rõ thêm qua dự tính ngành nghề cho con cái 6,87% số người được hỏi muốn cho con cái họ kết hợp nông nghiệp với tiểu thủ công nghiệp. 8,12% cho rằng con trai thì tùy, còn con gái thì sẽ làm nông nghiệp kết hợp với tiểu thủ công nghiệp. 6,87% dự tính cho con cái làm các ngành nghề phi nông nghiệp. Đáng chú ý hơn cả là có đến 78,12% những người được hỏi cho rằng tùy các con miễn là có thu nhập cao. Vấn đề là ở chỗ do khả năng có thu nhập cao thường dễ xảy ra ở lao động ngành nghề phi nông nghiệp, nhất là buôn bán, thầu khoán; song khả năng đó không duy nhất và không dễ gì ai cũng có thể lợi dụng được cho nên khả năng sản xuất kinh doanh tổng hợp vẫn có nhiều triển vọng, thậm chí khả năng làm giàu bằng nông nghiệp vẫn không bị loại trừ, nếu hình thành nông trại chuyên canh, thâm canh ruộng đất và kinh tế môi trường VAC.

Định hướng mở mang việc làm ngành nghề phi nông nghiệp đang tạo ra năng lực vượt trội của nhóm hộ phi nông nghiệp, có vốn đầu tư lớn, có lao động ngành nghề, có gia trưởng biết quản lý kinh tế giỏi. Đó là các chủ bao mua kiêm chủ tín dụng, chủ thầu khoán, chủ xưởng nhỏ ở nông thôn.

Theo Ban Nông nghiệp trung ương thì sự phân tầng xã hội giàu nghèo do kết quả hoạt động nghề nghiệp ở nông thôn có dạng sau:

- 1 - Hộ *chuyên ngành nghề* có mức thu nhập bình quân: 35.885 đồng/người/tháng.
- 2.- Hộ cán bộ xã, hợp tác xã có mức thu nhập bình quân: 26.481 đồng/người/tháng.
- 3.- Hộ *kiêm ngành nghề* có mức thu nhập bình quân: 25.133 đồng/người/tháng.
- 4.- Hộ chính sách có mức thu nhập bình quân: 22.721 đồng/người/tháng.
- 5- Hộ *thuần nông* có mức thu nhập bình quân: 19.428 đồng/người/tháng
- 6.- Hộ già cả neo đơn có mức thu nhập bình quân: 14.160 đồng/người/tháng<sup>(1)</sup>.

Theo thiên ý của chúng tôi thì phải chăng đây là kết quả đại thể được xem xét theo một kiểu trung bình thống kê xã hội? Trong thực tế, không nhất thiết cứ là hộ thuần nông nghiệp thì phải ở đáy, hộ kinh doanh tổng hợp thì ở gần đỉnh, còn hộ phi nông nghiệp thì nhất định ở đỉnh đầu tháp phân tầng xã hội.

Kết quả điều tra xã hội học chẳng hạn như ở xã Đông Dương (huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình) năm 1989 cho thấy tình hình có mặt không đơn giản như vậy.

Bảng 1 % trên tổng mẫu 200 hộ

| Bình quân thu nhập đầu người 1 tháng | Hộ thuần nông |      | Hộ kết hợp nghề nông với ngành nghề khác |      |
|--------------------------------------|---------------|------|--|------|
|                                      | (112 hộ)      | %    | (88 hộ)                                  | %    |
| >30.000                              | 2             | 1,0  | 8  | 4,0  |
| 30.000 – 20.000                      | 6             | 3,0  | 24                                       | 12,0 |
| 20.000 – 15.000                      | 9             | 4,5  | 12                                       | 6,0  |
| 15.000 – 12.000                      | 22            | 11,0 | 12                                       | 6,0  |
| 12.000 – 10.000                      | 15            | 7,5  | 9  | 4,5  |
| 10.000 – 7.000                       | 31            | 15,5 | 7  | 3,5  |
| 7.000 – 5.000                        | 20            | 10,0 | 5  | 2,5  |
| <5.000                               | 7             | 3,5  | 0  | 0    |

<sup>(1)</sup> xem: Ban Nông nghiệp trung ương. *Kinh tế - xã hội nông thôn Việt Nam ngày nay*. Nhà xuất bản Tư tưởng - văn hóa. Hà Nội, 1991, tập 1, trang 54 (Tổng hợp kết quả điều tra qua mẫu đại diện trong năm 1989, 6457 hộ, 17 xã, 7 huyện, 5 tỉnh là: Hoàng Liên Sơn, Hà Nam Ninh, Bình Định, Đắk Lắk, Hậu Giang).

Trong mẫu điều tra xã hội học này ta thấy có 1% số hộ thuần nông nghiệp thuộc nhóm hộ giàu có và 2,5% số hộ sản xuất kinh doanh tổng hợp thuộc nhóm hộ cực nghèo ở nông thôn.

Ở làng *Nguyễn Xá* (huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình), một làng giàu có, vượt trội của đồng bằng Bắc Bộ, phát triển mạnh theo hướng sản xuất - kinh doanh tổng hợp (trồng trọt + chăn nuôi + chế biến nông sản) vẫn có nhiều hộ gia đình ở dưới đáy tháp phân tầng xã hội, mặc dù là thuộc nhóm hộ sản xuất - kinh doanh tổng hợp. Trong mẫu điều tra xã hội học của chúng tôi năm 1989, có tới 8% số hộ sản xuất - kinh doanh tổng hợp có mức thu nhập bình quân đầu người một tháng không vượt qua 10.000/đồng, nghĩa là thuộc nhóm hộ nghèo của nông thôn đồng bằng Bắc Bộ trong năm đó.

Như vậy là quá trình chuyển đổi sang sản xuất - kinh doanh hàng hóa, hình thành dần dần cơ chế thị trường ở nông thôn tuy về *nguyên tắc đã tạo ra năng lực tự do làm giàu cho mỗi người lao động, hộ gia đình và làng xóm*; song trong thực tế sự tăng trưởng của năng lực tự do làm giàu thể hiện không đều nhau ở các nhóm người lao động, các nhóm hộ gia đình và các nhóm làng xã khác nhau. Hiệu quả kinh tế khác nhau của các nhóm xã hội lao động - nghề nghiệp đã làm cho sự phân hóa giàu - nghèo ngày càng tăng, với khoảng cách giữa giàu và nghèo ngày càng rộng lớn.

Theo đánh giá của Ban Nông nghiệp trung ương, sự chênh lệch giàu nghèo ở đồng bằng Bắc Bộ thời kỳ 1960-1975 chỉ 1,5 đến 2 lần là cùng, sang lời kỳ 1976-1980 đã tăng lên 3 đến 4 lần và trong thời kỳ 1981-1989 tăng lên tới 6 đến 8 lần<sup>(2)</sup>. Hiện thời còn hơn thế nữa, mức chênh lệch giàu - nghèo tăng lên tới 9 đến 10 lần.

Ai cũng biết nếu có thêm việc làm hoặc ngành nghề phi nông nghiệp thì mới có khả năng tăng thêm thu nhập và chóng trở nên giàu có. Chủ trương “ai giỏi nghề gì làm nghề ấy” trong nghị quyết 10 của Bộ chính trị về nguyên tắc đã tạo điều kiện bình đẳng cho mọi người lao động tự do lựa chọn việc làm ngành nghề để làm giàu. Song trong thực tế ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ, cho đến nay chỉ có một nhóm như các làng xã, một nhóm nhỏ các hộ gia đình và một nhóm nhỏ những người lao động đủ năng lực làm giàu bằng lựa chọn việc làm, ngành nghề thích hợp. Đại bộ phận còn lại vẫn lẩn quẩn trong vòng lạc hậu, nghèo khổ do gặp trăm ngàn khó khăn, trở lực không vượt qua được.

Trong các mẫu điều tra xã hội học 1991, hỏi về nguyên nhân vì sao hộ gia đình không làm thêm ngành nghề ngoài nông nghiệp, kết quả cho thấy như sau<sup>(3)</sup>.

Bảng 2.

| Nguyên nhân              | %                             |                               |                                |
|--------------------------|-------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|
|                          | Hải Tân<br>(Hải Hậu – Nam Hà) | Hải Sơn<br>(Hải Hậu – Nam Hà) | Cát Quế<br>(Hoài Đức – Hà Tây) |
| 1. Thiếu vốn             | 67                            | 71                            | 42,1                           |
| 2. Thiếu kinh nghiệm     | 87                            | 82                            | 3                              |
| 3. Thiếu nhân công       | 27                            | 24                            | 12                             |
| 4. Khó tiêu thụ sản phẩm | 67                            | 56                            | 7,7                            |
| 5. Thu nhập thấp         | 45                            | 62                            | 9,3                            |
| 6. Lý do khác            | 44                            | 62                            | 53                             |

<sup>(2)</sup> Xem: Ban Nông nghiệp trung ương. *Kinh tế - xã hội nông thôn Việt Nam ngày nay*. Nhà xuất bản tư tưởng - văn hóa, Hà Nội, 1991, tập 1, trang 43.

<sup>(3)</sup> Xem: Ban Nông nghiệp trung ương. *Kinh tế - xã hội nông thôn Việt Nam ngày nay*. Nhà xuất bản tư tưởng - văn hóa, Hà Nội, 1991, tập 2, trang 350.

Nói chung, những khó khăn, trở lực nhiều nhất khi mở mang việc làm, ngành nghề để tăng thu nhập và để làm giàu là *thiếu vốn đầu tư, thiếu kinh nghiệm kinh doanh và thiếu thị trường tiêu thụ sản phẩm*.

Điều tra xã hội học năm 1991 ở xã Đa Tốn cho thấy có tới 51,87% số người được hỏi vẫn cho rằng khó khăn nhất là thiếu vốn và lao động có trình độ kỹ thuật chuyên môn cao; 14,37% phàn nàn về thị trường không ổn định; 7,5% thừa nhận do không có năng lực kinh doanh cho nên không dám mở mang việc làm ngành nghề ngoài nông nghiệp. Do là lý do vì sao mà mức độ dự kiến tăng thêm việc làm ngành nghề ngoài nông nghiệp hãy còn rất thấp. Chỉ có 19,4% số người được hỏi có dự kiến làm thêm ngành nghề phi nông nghiệp.

Ở đây cần chú ý một thực tế là không nhất thiết mức độ dự kiến làm thêm nghề phi nông nghiệp thấp thì thể hiện năng lực làm giàu yếu kém. Vấn đề là còn tùy năng lực vốn có của cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp. Xã Đa Tốn vốn là yếu kém về ngành nghề phi nông nghiệp, nhóm hộ thuần nông nghiệp áp đảo các nhóm hộ phi nông nghiệp và sản xuất kinh doanh tổng hợp. Cho nên nếu mức độ dự kiến tăng thêm ngành nghề phi nông nghiệp thấp thì chứng tỏ năng lực làm giàu hãy còn rất hạn chế. Trái lại, đối với làng xã vốn đã có thế mạnh về phi nông nghiệp và sản xuất kinh doanh tổng hợp thì do tính ổn định cao của cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp, định hướng làm thêm ngành nghề phi nông nghiệp không mạnh bằng định hướng giữ nguyên củng cố ngành nghề đã lựa chọn. Thí dụ, trong mẫu điều tra xã hội học 1990 ở làng *Đình Bảng* (huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc), có 57,3% số người được hỏi dự tính giữ nguyên việc làm, ngành nghề ngoài nông nghiệp, và chỉ có 25% dự tính mở mang thêm việc làm, ngành nghề ngoài nông nghiệp.

Ở xã Hải Vân, như đã nói ở phần trên, cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp đang chuyển đổi mạnh sang sản xuất - kinh doanh tổng hợp, do đó trong mẫu điều tra xã hội học 1990, ta thấy rõ mức độ dự tính làm thêm ngành nghề ngoài nông nghiệp rất cao: 72,55% số người được hỏi có dự tính như thế. Song mức độ giữ nguyên, củng cố việc làm, ngành nghề đã chọn cũng không thấp: 71,23% số người được hỏi ý kiến. Chứng tỏ loại làng xã này đã đạt được tính ổn định tương đối của cơ cấu việc làm, ngành nghề ngoài nông nghiệp, đồng thời đang muốn mở mang thêm theo hướng kinh doanh tổng hợp nông-công-thương-tín.

Định hướng mở mang thêm việc làm, ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn là một định hướng tiến bộ kinh tế - xã hội, nó vừa phù hợp tất yếu lịch sử - tự nhiên, lại vừa phù hợp nguyện vọng của đại đa số người lao động ở nông thôn nước ta ngày nay. Mức độ phi nông nghiệp hóa là thước đo cơ bản của tiến bộ kinh tế - xã hội theo hướng chuyển sang sản xuất kinh doanh hàng hóa và cơ chế thị trường, đồng thời là thước đo quan trọng của quá trình đô thị hóa có tác dụng chuyển xã hội nông thôn vốn nghèo nàn, lạc hậu lên xã hội giàu sang, phú quý

Nhưng hiện nay mức độ phi nông nghiệp hóa và đô thị hóa ở nông thôn nước ta vẫn còn rất thấp. Ở nhiều quốc gia đang phát triển, tỉ trọng lao động phi nông nghiệp ở nông thôn lên tới 30 đến 40% tổng lao động xã hội nông thôn. Trong khi đó, ở nông thôn nước ta, ngay cả ở làng xã vượt trội nhất, tỷ trọng lao động phi nông nghiệp vẫn chưa đạt tới 20% tổng lao động xã hội.

Do đó, cần phải tiếp tục đổi mới cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp ở nông thôn, theo định hướng tiến bộ kinh tế - xã hội.

Kinh nghiệm thành công ở các nước đang phát triển mách bảo, những biến động của đời sống thực tế đang hé mở một số định hướng quan trọng cho phép đẩy nhanh các quá trình đổi mới xã hội lao động - nghề nghiệp ở nông thôn nước ta ngày nay. Có thể tham khảo các mặt thành công trong công cuộc cải cách và mở cửa của Trung Quốc mười năm:

Muốn có tỷ suất hàng hóa lớn thì *phải hình thành nhiều hộ chuyên*. Hơn thế nữa, chỉ có hộ chuyên môn mới bảo đảm tăng chất lượng và hiệu quả sản xuất - kinh doanh hàng hóa. Kinh nghiệm cải cách kinh tế nông thôn Trung Quốc cho thấy vai trò to lớn của hộ chuyên theo định hướng cần cù lao động, tự do làm giàu. Đến đầu 1985, nghĩa là khoảng 4 năm sau khi bắt đầu công cuộc cải cách số hộ chuyên đã lên tới 25 triệu, chiếm 13,8% tổng số hộ gia đình nông thôn Trung Quốc. Tiêu chuẩn của hộ chuyên là: 1) thu nhập từ công việc chuyên phải vượt 60% tổng thu nhập của hộ; 2) sản phẩm hàng hóa phải vượt 80% sản phẩm, lương thực phải

vượt 60% thu nhập bán sản phẩm chuyên phải hơn gấp đôi thu nhập trung bình của một hộ trong tỉnh<sup>(4)</sup>.

Quá trình hình thành hộ chuyên đi liền với *sự phát triển các xí nghiệp hương trấn*. Đó thực chất là những xí nghiệp nhỏ, chủ yếu ở quy mô hộ chuyên hoạt động theo nguyên tắc "ly điền bất ly hương" (rời ruộng không rời làng). Kinh nghiệm Trung Quốc cho thấy, vai trò của xí nghiệp hương trấn rất lớn, giải quyết công ăn việc làm cho 80 triệu người, tức là trên 20% lao động nông thôn; giá trị sản lượng làm ra năm 1987 là 475 tỷ nhân dân tệ, chiếm 50,4% giá trị sản lượng ở nông; năm 1986 đã đóng thuế 17,6 tỷ, gấp gần 5 lần vốn đầu tư của Nhà nước cho nông nghiệp<sup>(5)</sup>.

Đó là hai định hướng quyết định chuyển đổi căn bản cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp ở nông thôn từ tiểu nông, tự cấp tự túc sang sản xuất - kinh doanh hàng hóa, từ cơ chế bao cấp sang cơ chế thị trường.

Nếu đặt hai định hướng cơ bản đó trong một mô hình tổng thể các chuyển đổi cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp ở nông thôn thì phải chăng có thể hình dung như sau: 1) Tích cực xây dựng các *hộ chuyên*; 2) Hình thành các *tổ hợp góp cổ phần* với tư cách là hình thức hợp tác hóa kiểu mới; 3) Hình thành các *xí nghiệp hương trấn*; 4) *Đô thị hóa và công nghiệp hóa theo các nguyên tắc tại chỗ, qui mô nhỏ, định hướng hiện đại hóa theo hướng kết hợp truyền thống và hiện đại, cổ điển và phi cổ điển*.

Đây không chỉ là mô hình chuyển đổi cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp mà còn là mô hình chuyển đổi cơ cấu xã hội nói chung, bảo đảm tính toàn diện, đồng bộ của các quá trình *đổi mới và mở cửa* ở nông thôn nước ta ngày nay.



Phó giáo sư Tô Duy Hợp trình bày báo cáo tổng kết đề tài "Chuyển đổi cơ cấu xã hội lao động nghề nghiệp nông thôn đồng bằng Bắc Bộ".

---

<sup>4</sup> Viện khoa học xã hội Việt Nam, Viện Châu Á và Thái Bình Dương: *Trung Quốc trên đường cải cách*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội 1991, trang 74, 75, 76.

<sup>5</sup> Viện khoa học xã hội Việt Nam, Viện Châu Á và Thái Bình Dương: *Trung Quốc trên đường cải cách*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội 1991, trang 74, 75, 76.